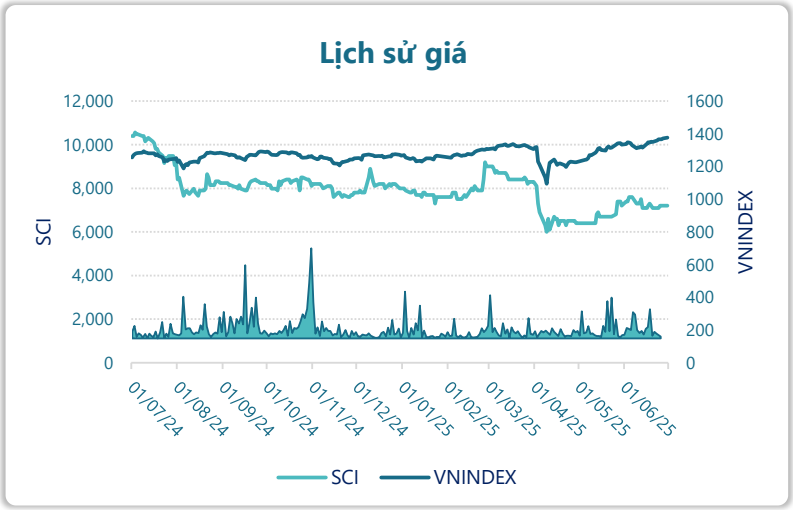
FireAnt

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,561
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	30,491,409
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,675
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
P/E	-13.2
EPS	-544

DT thuần

Q2/25

276

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 63.0| 29.5%

YoY: ▼5.00| -1.8%

LN sau thuế

Q2/25

8.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.2| 141%

YoY: ▲ 6.53| 406%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.6%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

6T 2025

489

tỷ VNĐ

YoY: ▼47.0| -8.8%

LN sau thuế

6T 2025

-11.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.6| -353%

ROE

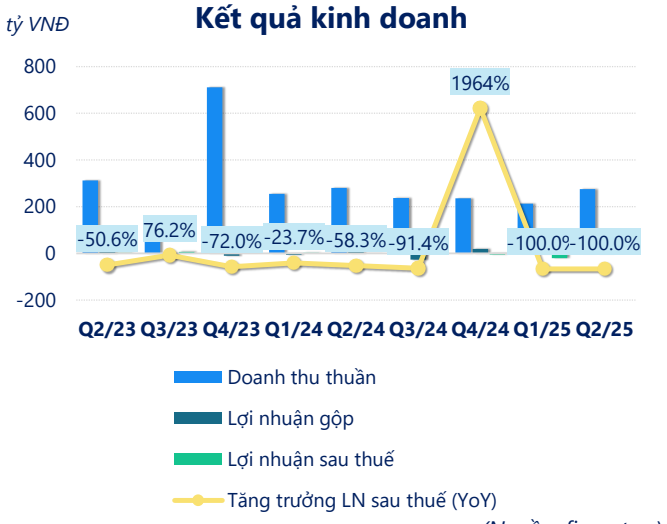
Q2/25

-3.4%

+/- YoY: ▼ 6.1%

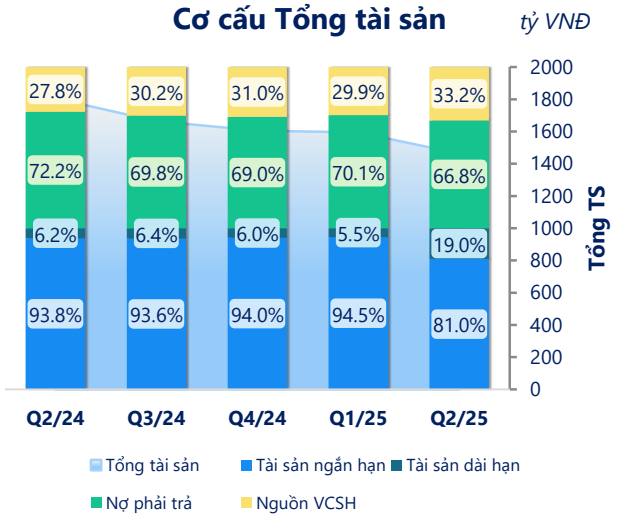
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



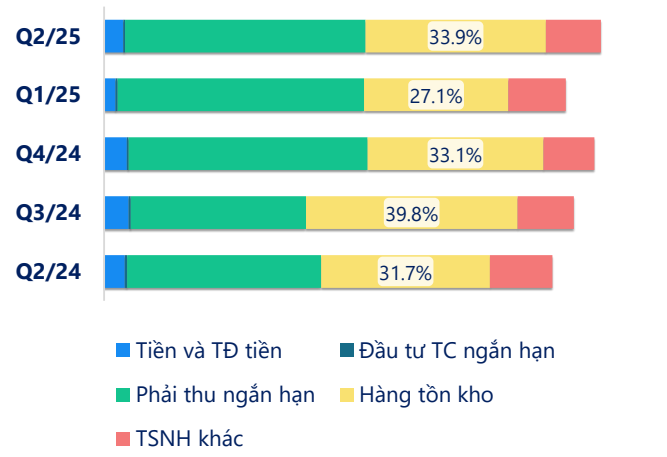
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



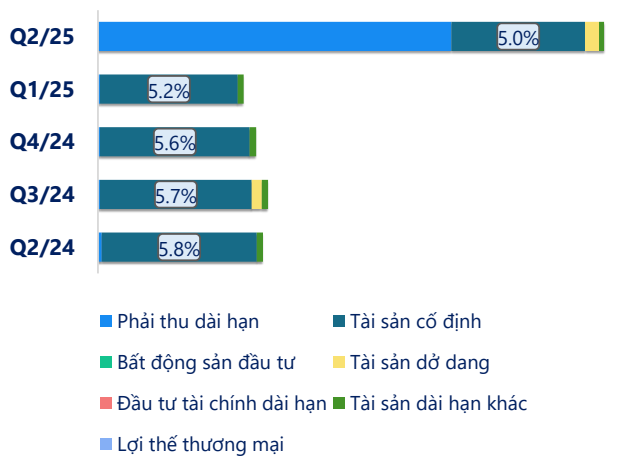
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



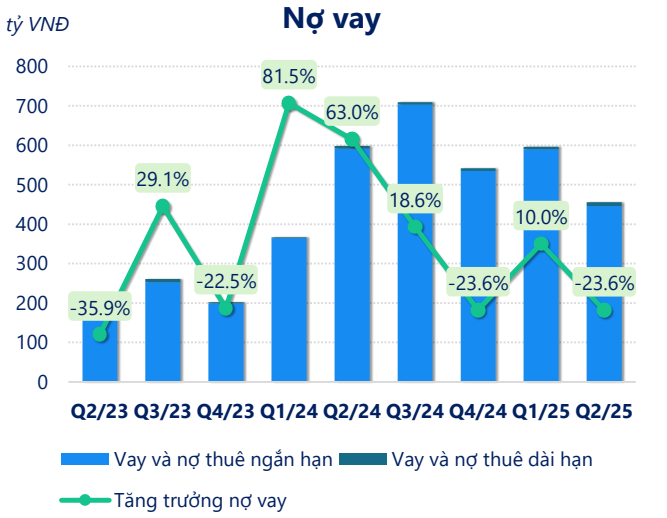
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



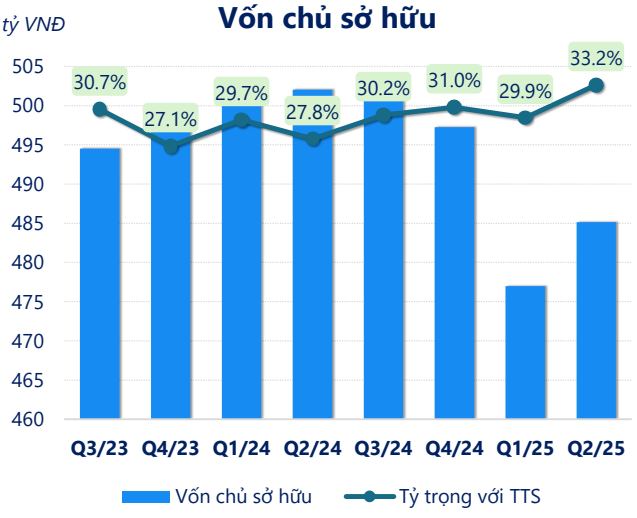
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



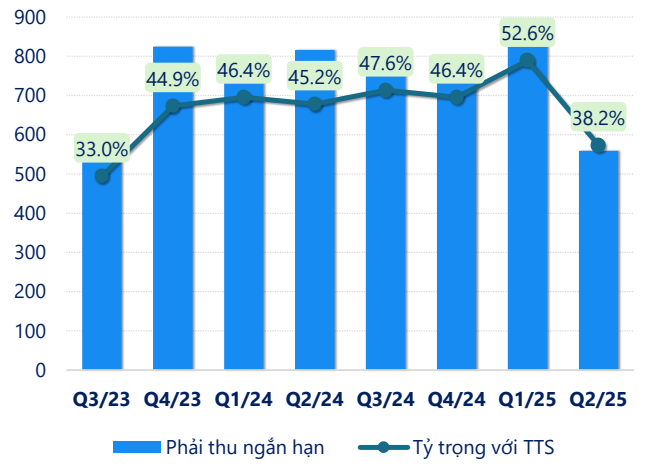
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



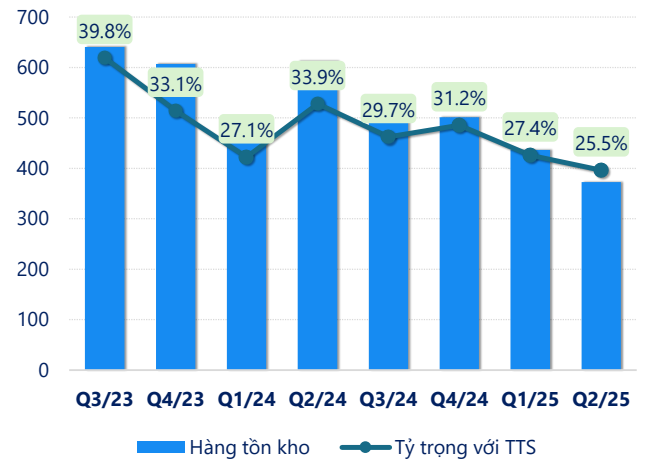
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



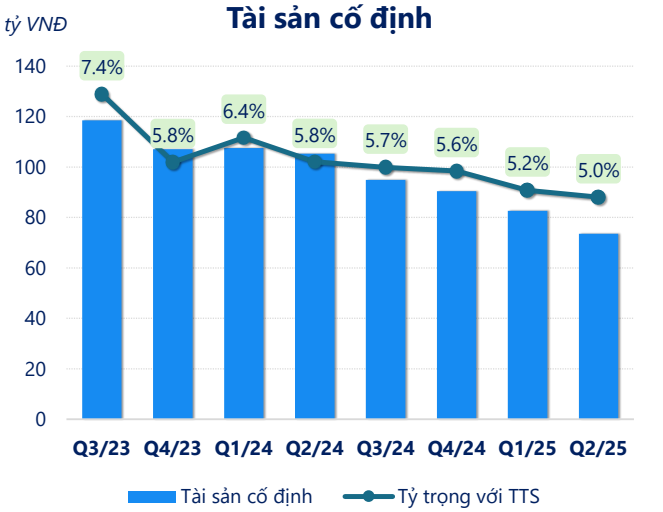
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



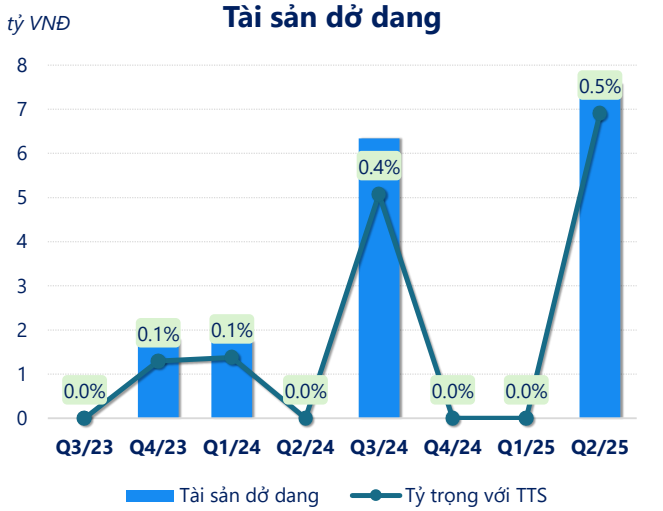
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



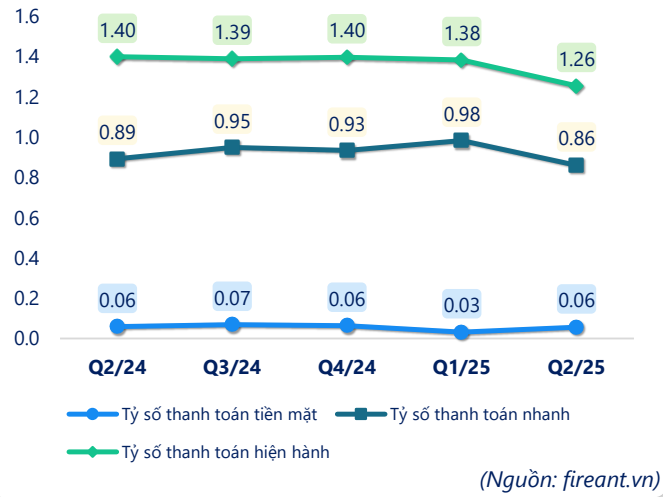
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



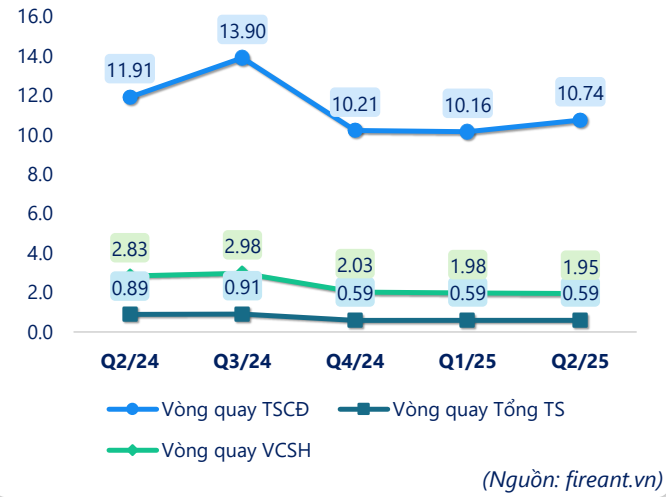
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,805**	**1,665**	**1,606**	**1,594**	**1,463**
Tài sản ngắn hạn	**1,693**	**1,558**	**1,511**	**1,507**	**1,184**
Tiền và tương đương tiền	70.6	77.0	69.2	34.5	52.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.18	6.18	6.30	6.30	6.45
Phải thu ngắn hạn	816	792	745	839	559
Hàng tồn kho	613	495	501	436	373
Tài sản ngắn hạn khác	187	188	189	191	193
Tài sản dài hạn	**112**	**106**	**95.7**	**87.3**	**278**
Phải thu dài hạn	2.45	1.31	1.24	1.18	194
Tài sản cố định	105	95.0	90.4	82.7	73.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	6.34	0	0	7.58
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.32	3.81	4.03	3.45	2.87
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,303**	**1,162**	**1,109**	**1,117**	**977**
Nợ ngắn hạn	**1,209**	**1,121**	**1,081**	**1,089**	**943**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	591	704	535	590	446
Phải trả người bán ngắn hạn	249	169	178	142	141
Nợ dài hạn	93.9	41.6	28.2	28.6	34.2
Vay và nợ thuê dài hạn	6.71	5.55	7.18	5.88	9.31
Nguồn vốn chủ sở hữu	**502**	**502**	**497**	**477**	**485**
Vốn chủ sở hữu	**502**	**502**	**497**	**477**	**485**
Vốn điều lệ	254	254	305	305	305
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)